

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

MỘT DƯỢC (Gôm nhựa)

rượu trắng 40°, tẩm đều vào dược liệu đã thái khúc, ủ 2 h, sao có mùi thơm là đạt yêu cầu.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô ráo, trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 3 tháng sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, hơi đắng, tính bình. Vào các kinh can, đờm, phế.

Công năng, chủ trị

Tán phong nhiệt, tiêu màng mắt. Chủ trị: Dùng sống trị chứng đau mắt có màng, mọng, tiêu tích báng, ich bồ can đờm. Tẩm rượu sao trị chứng rong kinh, băng huyết.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 8 g, dạng thuốc sắc.

Kiêng kỵ

Người âm hư hỏa vượng không phải chứng phong nhiệt thì không dùng.

MỘT DƯỢC (Gôm nhựa)

Myrrha

Chất gôm nhựa của cây Một dược [*Commiphora myrrha* (Nees) Engl.] và cây *Balsamodendron chrenbergianum* Berg., họ Trám (Burseraceae). Thu hoạch từ tháng 7 đến 9 là tốt nhất, khi đó lượng Một dược nhiều, chất lượng tốt. Năm sau, từ tháng 1 đến 3 lại có thể thu hoạch được. Nhựa cây được chảy ra từ vết nứt tự nhiên của cây Một dược. Để thu hoạch được nhiều, người ta có thể khía sâu vào vỏ thân và cành to. Nhựa mới chảy ra thành giọt sền sệt như dầu đặc, màu trắng hoặc vàng nhạt, dần dần biến thành khối cục cứng trong không khí, có màu vàng sẫm, nâu vàng hoặc có khi đỏ nhạt, cuối cùng là màu đỏ sẫm. Thu lấy nhựa, loại bỏ tạp chất.

Mô tả

Một dược thiên nhiên: Có dạng khối, cục, hạt không đều, cục lớn dài 6 cm. Mặt ngoài màu nâu vàng hoặc nâu đỏ, có khi trong mờ. Một số khối có màu đen nâu, nhiều dầu, được phủ bụi phấn màu nâu vàng đất. Chất cứng, giòn. Mặt bị vỡ không phẳng. Có mùi thơm đặc biệt. Vị đắng hơi cay.

Ghi chú: Loại có màu nâu vàng, mặt vỡ hơi trong, tinh dầu nhuận, hương thơm nồng, vị đắng, không có tạp là tốt.

Bột

Bột có màu nâu đỏ hoặc màu vàng nâu. Lên tiêu bản bột bằng *dung dịch cloral hydrat (TT)*, soi kính hiển vi thấy: mảnh bản màu nâu đỏ; các tế bào đá hình đa giác hoặc thuôn dài nằm đơn lẻ hoặc thành đám, thành dày một bên, hóa gỗ và có nhiều lỗ nhỏ (rỗ), bên trong có chứa chất màu nâu; mảnh mô mềm thành mỏng và các sợi mô cứng; tinh

thể calci oxalat hình đa giác hoặc lăng trụ không đều, kích thước khoảng 10 - 25 μ m.

Định tính

A. Lấy vài hạt nhỏ, cho thêm *dung dịch vanilin trong acid hydrochloric (TT)*, lắc đều, sẽ có màu đỏ thẫm.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển: Cyclohexan - di-isopropyl ether - acid acetic băng (60 : 40 : 10).

Dung dịch thử: Lấy 0,2 g bột, thêm 4 ml *ethanol 96 % (TT)*, lắc siêu âm trong 10 min, lọc. Dịch lọc dùng để chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,2 g Một dược (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Dung dịch phân giải: Hòa tan 10 mg *thymol (TT)* và 40 μ l *anethol (TT)* trong 10 ml *ethanol 96 % (TT)*.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l mỗi dung dịch trên thành các vạch dài khoảng 8 mm. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun *dung dịch anisaldehyd (TT)*, sấy bản mỏng ở 100 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch phân giải phải có 2 vết tách nhau hoàn toàn trong đó có một vết màu vàng cam của thymol và một vết màu tím của anethol nằm ngay phía trên vết thymol. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1,000 g, 105 °C, 2 h).

Tạp chất

Vỏ cây còn sót lại không quá 2,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.7).

Cẩn không tan trong ethanol

Không quá 75 %.

Cẩn chính xác khoảng 1,00 g bột dược liệu đã qua rây 250 vào trong bình nón. Thêm 30 ml *ethanol 96 % (TT)* và lắc mạnh trong 10 min. Để lắng, gạn dịch chiết và lọc qua giấy lọc đã được sấy ở 100 - 105 °C đến khối lượng không đổi. Cẩn ở trong bình nón được chiết như trên 2 lần nữa, mỗi lần 20 ml *ethanol 96 % (TT)*. Dùng *ethanol 96 % (TT)* chuyển toàn bộ cẩn trong bình nón vào giấy lọc trên. Sấy cẩn và giấy lọc ở 100 - 105 °C đến khối lượng không đổi. Tính phần trăm lượng cẩn không tan theo dược liệu nguyên trạng.

Chế biến

Bột Một dược: Lấy Một dược sạch, giã vụn, sao qua với Đẳng tâm thảo, tán bột mịn. Cứ 40 g Một dược dùng 1 g Đẳng tâm thảo.

Bột Một dược thủy phi: Cho ít rượu vào Một dược, nghiền nát, cho nước vào thủy phi đến bột mịn, lấy bột phơi khô.

Bột một dược tẩm giấm: Lấy Một dược sạch, cho vào chảo sao nhỏ lửa đến khi mặt ngoài hơi tan, lấy ra, để nguội hoặc sao đến mặt ngoài hơi tan thì phun giấm, tiếp tục sao đến khi mặt ngoài sáng bóng, lấy ra để nguội. Cứ 100 kg Một dược dùng 6 L giấm.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô, mát, tránh ẩm.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, tính bình. Vào các kinh can, tâm, tỳ.

Công năng, chủ trị

Hoạt huyết, khứ ứ, chỉ thống tiêu sưng, sinh cơ, thông kinh. Chủ trị: Kinh bế, thống kinh, đau thượng vị, nhọt độc sưng đau, sưng đau do sang chấn, trĩ, mục trướng (đục thủy tinh thể).

Dùng ngoài để thu miệng, lên da non vết loét lâu lành.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 12 g, dạng thuốc sắc hoặc hoàn tán. Dùng ngoài tán bột để bôi, đắp chỗ đau.

Kiêng kỵ

Phụ nữ có thai, mụn nhọt đã vỡ không nên dùng.

MƠ (Quả)

Pruni Fructus Praeparatus

Ô mai, Diêm mai, Bạch mai

Quả già màu vàng đã được chế biến của cây Mơ (*Prunus armeniaca* L. Syn. *Armeniaca vulgaris* Lam.) hoặc cây Mơ ta {*Prunus mume* (Sieb.) Sieb. Et Zucc.}, họ Hoa hồng (Rosaceae). Quả mơ được thu hái vào cuối mùa xuân. Sau khi thu hái đem chế biến để được vị thuốc Ô mai, Bạch mai tùy theo yêu cầu sử dụng.

Mô tả

Quả hạch hình cầu dẹt, to nhỏ không đều, đường kính 1 cm đến 3 cm. Mặt ngoài màu đen hoặc nâu đen có nhiều nếp nhăn, có muối bám ở ngoài nếu chế muối. Đáy quả có vết cuống quả hình tròn lõm sâu. Thịt quả mềm dính muối, thịt quả bị rách để lộ vỏ quả trong cứng rắn, màu nâu nhạt. Hạt hình trứng dẹt, màu vàng nhạt. Vị chua, mặn (nếu chế muối).

Loại quả to nhiều cùi, không gập nát là loại tốt.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cyclohexan - cloroform - ethyl acetat - acid formic (20 : 5 : 8 : 0,1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột chế phẩm (phần thịt quả), thêm 30 ml methanol (TT), lắc siêu âm trong 30 min, để nguội và lọc. Bay hơi dịch lọc tới khô, hòa tan cần trong 20 ml nước và chuyển vào bình gạn; chiết với ether (TT) hai

lần, mỗi lần 20 ml, gộp dịch chiết và bay hơi dịch chiết tới khô. Ngâm cần thu được trong 15 ml ether dầu hòa (30 °C đến 60 °C) (TT) loại bỏ lớp ether dầu hòa, làm như vậy 2 lần, trong khoảng 2 min. Hòa tan cần còn lại trong 2 ml methanol (TT).

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 5 g dược liệu ô mai hoặc Bạch mai (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun dung dịch acid sulfuric 10 % trong ethanol (TT) và sấy ở 105 °C cho đến khi xuất hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Chế biến

Ô mai (quả mơ tẩm nước Bỏ hóng): Sau khi thu hoạch, rửa sạch, chọn lấy quả gần chín, đồ hơi mềm (không chín quá), phơi khô. Sau khi đồ, tẩm nước bỏ hóng (cứ 2 kg quả mơ dùng 20 g Bỏ hóng đã bỏ tạp chất hòa với 200 ml nước) một ngày đêm rồi đem phơi hay sấy cho khô. Làm như vậy 5 đến 6 lần đến khi quả mơ có màu đen là đạt. Hoặc lấy quả mơ lúi vào tro rơm rạ đã tẩm ướt, ủ 3 ngày đêm rồi lấy ra đồ chín, phơi hoặc sấy khô, dùng sống. Ô mai có tác dụng thanh nhiệt ở phế, trị ho, giảm đau.

Ô mai thán sao: Lấy Ô mai sao to lửa đến khi cùi phồng lên, ngoài có màu đen, vẩy nước vào không cho cháy tiếp, lấy ra phơi khô dùng, có tác dụng trị chứng kiết lỵ đại tiện ra như nước mũi (nhày) có máu kèm theo.

Quả mơ chế muối (Bạch mai, Diêm mai): Hái quả mơ đã già (màu lục vàng), rải ra chỗ mát để phơi héo, rửa sạch, bỏ vào vại sành muối như muối cà {cứ 3 phần quả, 1 phần muối (không cho nước)}. Sau 3 ngày đêm vớt quả mơ ra phơi tái, lại cho tiếp vào vại muối lần thứ hai trong một ngày một đêm (lượng muối và ô mai như lần trước). Sau đó vớt ra phơi hoặc sấy đến khi có độ ẩm dưới 15 %, có muối kết tinh ở bên ngoài quả mơ thành một lớp trắng. Bạch mai có tác dụng điều trị chứng lỵ mạn tính, tiêu chảy, ho do hư nhiệt không có đờm, tiêu khát, nôn mửa, giun chui ống mật.

Bảo quản

Dược liệu đã chế biến để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, nên dùng trong vòng 3 tháng sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị chua, sáp, tính bình. Vào các kinh tỳ, phế, can, đại tràng.

Công năng, chủ trị

Bình can, sáp tỳ, liễm phế, sáp tràng. Chủ trị: Tiêu hóa kém, đầy hơi chướng bụng, phế hư nhiệt ho lâu ngày, tiêu chảy, lỵ ra máu, giun chui ống mật, trừ phiền tiêu khát.